

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2021

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2021/QĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2021/QĐ-ST ngày 29/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 591/2021/QĐ-ST ngày 26/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố Nh, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: BERLIN, GERMANY, Cộng hòa liên bang Đức, vắng mặt;

Thân nhân của chị Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (bố đẻ chị Hằng); địa chỉ: thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/10/2020 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà nội được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị H đưa con về nhà ngoại sống. Đến đầu năm

2013 vì hoàn cảnh kinh tế nên chị H đi lao động tại Cộng hoà liên bang Đức. Trong thời gian sống xa nhau vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc trao đổi với nhau nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung mang tên Trần Nam Ph, sinh ngày 26/10/2012, hiện đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của anh sau khi ly hôn giao con lại cho chị H nuôi dưỡng, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, do thu nhập không ổn định nên hai bên thỏa thuận anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức để yêu cầu tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với chị Nguyễn Thị H. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai của chị H gửi từ bưu điện nước ngoài về với nội dung chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Chị H trình bày, chị và anh Tạo kết hôn vào ngày 11/5/2012 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau được 01 năm 4 tháng thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ban đầu tìm hiểu nhau chưa kỹ. Hiện tại chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Tạo.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung mang tên Trần Nam Ph, sinh ngày 26/10/2012. Hiện con đang sống chung với ông bà ngoại, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, trước mắt là nhờ ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc cháu đến khi chị H trở về Việt Nam, chị không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa nên chị không thể về Việt Nam để tham gia phiên toà theo thời gian đã ấn định, chị xin phép được vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị.

Bên cạnh đó Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu thân nhân của bị đơn là ông Nguyễn Văn H (bố đẻ chị H) trình bày ý kiến của mình về việc anh T xin ly hôn chị H, ông H trình bày: “Con gái tôi Nguyễn Thị H và con rể Trần Văn T sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 11/5/2012 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình hai con sống chung với nhau, hai vợ chồng thường hay xảy ra

cải vả. Đến đầu năm 2013 thì con gái tôi đi làm ăn ở Đức và trú tại: BERLIN, GERMANY, Cộng hòa liên bang Đức. Hiện tại con rể tôi Trần Văn T xin ly hôn con gái tôi, về phía gia đình tôi không có ý kiến gì. Từ trước đến nay con gái tôi vẫn hay liên lạc với gia đình bằng điện thoại, thư từ và gửi tiền về cho ông bà nuôi con của mình, ông có nghe con gái tâm sự vợ chồng con đang làm thủ tục ly hôn và nhờ ông bà nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung thì không có”. Ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến và xác nhận Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị H viết ngày 05/10/2020 chính là chữ ký của chị Nguyễn Thị H (con gái ông).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Giao con chung Trần Nam Ph, sinh ngày 11/5/2012 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét; Về án phí, lệ phí: đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an tại Công văn số 21790/QLXNC (P5) ngày 25/11/2020 thì chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1987 được cấp hộ chiếu số B8923199 ngày 17/3/2014 đã sử dụng hộ chiếu để xuất cảnh ngày 16/4/2014, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Chị H có biết việc anh T xin ly hôn, chị có văn bản gửi từ Đức về đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn T để xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: anh T và chị H có 01 con chung là Trần Nam Ph, sinh ngày 11/5/2012, anh T có nguyện vọng giao con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, chị H có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét nguyện vọng của anh T và chị H thấy rằng, từ khi chị H đi làm ăn nước ngoài đến nay con anh chị sinh sống ổn định với ông bà ngoại (bố, mẹ đẻ chị H) vì anh T không có công việc ổn định, cháu Trần Nam Ph có đơn trình bày ý kiến xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh T, chị H và cháu Ph để giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và đăng thông tin trên VOV5 theo quy định: Anh Trần Văn T phải chịu nộp 2.062.000 đồng, anh T đã nộp đủ tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 228, Điều 147, 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H;

2. *Về quan hệ con chung*: Giao con chung Trần Nam Ph, sinh ngày 11/5/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí*:

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0001698 ngày 26/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Anh Trần Văn T phải chịu 2.062.000 đồng lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và đăng thông tin trên VOV5 (anh T đã nộp đủ tại Tòa án).

Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ; chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Q;
- Lưu Tòa DS, HSVA, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn